

Bản án số: 30/2024/DS-PT
Ngày 09-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024, về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1966; cư trú tại: Tổ Dân phố Đ 2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Thân Sỹ H, sinh năm 1974; cư trú tại: Trung đoàn 12, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Trần Lệ H, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H:
Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1981; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Văn bản ủy quyền ngày 29-5-2024); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1951; cư trú tại: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Quốc H, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Q có kinh doanh bán thức ăn chăn nuôi tại xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ năm 2018; còn bị đơn ông Thân Sỹ H là người chăn nuôi lợn và có mua cám tại cửa hàng của nguyên đơn. Trong quá trình mua bán, bị đơn có nợ tiền mua cám của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Phạm Văn Q trình bày: Ông Phạm Văn Q là người bán thức ăn chăn nuôi, ông hay giao cám trên địa bàn xã M nên biết gia đình ông Thân Sỹ H chăn nuôi lợn. Từ năm 2018 ông Thân Sỹ H và vợ bà Trần Lệ H có liên hệ với ông để mua cám và hai bên có thoả thuận miệng mua bán trả tiền ngay. Thời gian đầu, ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H trả tiền ngay sau khi ông Phạm Văn Q giao cám, đến khoảng cuối năm 2018 vợ chồng ông Thân Sỹ H mua cám chịu do chưa bán được lợn, khi nào bán được lợn thì sẽ thanh toán tiền. Tính đến ngày 27-4-2019, tổng số tiền cám mà ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H nợ ông là 150.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng tiền lãi cộng vào ngày 09-4-2019, ông Thân Sỹ H có ký xác nhận tại giấy ghi nợ cám ngày 27-4-2019. Khi nợ tiền cám, hai bên thoả thuận miệng tính lãi 01%/tháng cho đến khi thanh toán xong nợ, không ghi vào giấy ghi nợ. Đến ngày 20-8-2019, ông Phạm Văn Q đã chốt tiền ông Thân Sỹ H nợ cả gốc và lãi là 151.500.000 đồng. Ngày 02-10-2020, ông Thân Sỹ H đã thanh toán được 25.000.000 đồng, có chữ ký của ông Thân Sỹ H. Đến ngày 20-7-2022 bà Trần Lệ H tiếp tục thanh toán cho ông Phạm Văn Q 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và ký xác nhận còn nợ 156.000.000 đồng cả gốc và lãi vào trong giấy ghi nợ trong sổ của ông Phạm Văn Q, cụ thể nợ gốc 105.000.000 đồng và lãi đến ngày 20-7-2022 là 51.000.000 đồng. Từ ngày 20-7-2022 đến nay ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H đã không trả tiền nợ cho ông Phạm Văn Q mặc dù ông Phạm Văn Q nhiều lần đòi. Do đó, ông Phạm Văn Q yêu cầu ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H phải trả toàn bộ số tiền nợ cả gốc và lãi, cụ thể: Tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng, tiền lãi ông không yêu cầu phải trả số tiền lãi 51.000.000 đồng nữa mà chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày hai bên chốt số nợ ngày 20-7-2022 đến ngày xét xử là 10%/năm và ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H còn tiếp tục phải trả lãi cho đến khi trả xong số nợ.

Tại phiên toà, ông Phạm Văn Q giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20-7-2022 đến ngày 26-

3-2024 là 17.691.754 đồng và ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong hết số tiền nợ.

Bị đơn ông Thân Sỹ H trình bày: Ông được mua cám với ông Phạm Văn Q, hai bên thoả thuận miệng mua cám trả tiền ngay. Thời gian đầu ông chỉ nợ một vài ngày sau đó đều trả hết tiền cho ông Phạm Văn Q. Đến ngày 10-02-2019, ông đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ cám với ông Phạm Văn Q từ ngày 10-02-2019 trở về trước và ông Phạm Văn Q đã xác nhận còn nợ lại ông 200.000 đồng (có ghi trong sổ ông Phạm Văn Q). Từ ngày 24-3-2019 ông bắt đầu nợ tiền cám của ông Phạm Văn Q vì chưa bán được lợn, hai bên thống nhất với nhau là khi nào bán được lợn sẽ thanh toán tiền cám, sau đó do dịch tả lợn Châu Phi bùng phát trên toàn quốc, nên ông Thân Sỹ H không có đủ tiền để trả tiền nợ cám cho ông Phạm Văn Q. Ông Thân Sỹ H nợ tiền cám của ông Phạm Văn Q tổng cộng 03 lần, cả 03 lần đều do mẹ vợ ông là bà Hoàng Thị B nhận cám và ký nhận vào sổ do lái xe của ông Phạm Văn Q cầm, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 24-3-2019 nợ 17.800.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 09-4-2019 nợ 22.600.000 đồng, lần thứ ba vào ngày 27-4-2019 nợ 9.400.000 đồng tiền cám, tổng cộng là 49.800.000 đồng. Sau đó ông đã trả tiền nợ cám nhà ông Phạm Văn Q tổng cộng 02 lần, với số tiền là 45.000.000 đồng, cụ thể: lần thứ nhất vào ngày 02-10-2020, ông đã trả cho ông Phạm Văn Q 25.000.000 đồng tiền nợ cám, có bà Trần Lệ H chứng kiến và ông được ghi, ký nhận vào sổ của ông Phạm Văn Q, khi đó ông yêu cầu ông Phạm Văn Q ký xác nhận vào sổ của ông nhưng ông Phạm Văn Q không ký. Lần thứ hai vào ngày 19-7-2022, bà Trần Lệ H đã trả 20.000.000 đồng tiền cám cho ông Phạm Văn Q bằng hình thức chuyển khoản (có sao kê của Ngân hàng), sau đó bà Trần Lệ H có ghi và ký nhận vào sổ của ông Phạm Văn Q. Khi trả tiền nợ, hai bên không có thỏa thuận về việc tính lãi suất hàng tháng đối với số tiền nợ. Tại giấy ghi nợ ngày 02-10-2020, ông chỉ ký xác nhận đã trả nợ cho ông Phạm Văn Q 25.000.000 đồng, không phải ông xác nhận khoản nợ 151.500.000 đồng như ông Phạm Văn Q đã ghi ở trên. Đến nay vợ chồng ông chỉ còn nợ ông Phạm Văn Q 4.800.000 đồng tiền cám nên ông đồng ý sẽ trả số tiền đó, trường hợp hai bên thoả thuận được ông đồng ý sẽ trả thêm số tiền mua cám là 32.700.000 đồng, tổng số tiền ông đồng ý trả cho ông Phạm Văn Q là 37.500.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Thân Sỹ H thay đổi ý kiến, ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu đòi tiền nợ và lãi suất của ông Phạm Văn Q vì cho rằng giữa hai bên không có thỏa thuận lãi, hiện nay không phải vợ chồng ông còn nợ ông Phạm Văn Q mà ông Phạm Văn Q mới là người nợ tiền của ông, ông sẽ yêu cầu ông Phạm Văn Q phải trả tiền cho ông nhưng tại phiên tòa ông chưa tính toán được, nếu phiên tòa hôm nay không thoả đáng thì ông sẽ làm đơn khởi kiện lại đối với ông Phạm Văn Q.

Bị đơn bà Trần Lệ H trình bày: Bà nhất trí với nội dung ông Thân Sỹ H đã trình bày là thực tế vợ chồng ông bà chỉ nợ tiền của 03 lần mua cám, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 24-3-2019 nợ 17.800.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 09/4/2019 nợ 22.600.000 đồng; lần thứ ba vào ngày 27-4-2019 nợ 9.400.000 đồng, tổng là 49.800.000 đồng. Ngày 02-10-2020, ông Thân Sỹ H trả trực tiếp, đưa tiền mặt cho ông Phạm Văn Q số tiền 25.000.000 đồng. Ngày 19-7-2022 bà

chuyển khoản trả cho ông Phạm Văn Q 20.000.000 đồng. Toàn bộ những lần trả tiền, trừ ngày 19-7-2022 là chuyển khoản ông Thân Sỹ H đều đưa tiền trực tiếp cho ông Phạm Văn Q để ông Phạm Văn Q gạch vào sổ, khi vợ chồng bà yêu cầu ông Phạm Văn Q ký vào sổ của bà để xác nhận trả nợ ông Phạm Văn Q đã không thực hiện. Vì vậy, vợ chồng bà không có tài liệu gì liên quan đến việc trả nợ đề cung cấp cho Tòa án. Đối với phần chữ của bà thể hiện ngày 20-7-2022 bà có được ghi còn nợ 156.000.000 đồng cả gốc + lãi là do chiều ngày hôm đó ông Phạm Văn Q lên nhà gặp bà nói nợ tiền thì phải trả, đòi nhiều không trả được thì sẽ có người khác đòi hộ nên bà không muốn to tiếng và tin tưởng rằng ông Thân Sỹ H với ông Phạm Văn Q đã thống nhất với nhau về số nợ tiền cầm là 156.000.000 đồng cả gốc và lãi nên bà mới ký xác nhận vào sổ của ông Phạm Văn Q. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q yêu cầu vợ chồng bà phải trả toàn bộ số tiền còn nợ gồm 105.000.000 đồng và lãi suất, bà đồng ý trả tiền mua cầm ngày 28-02-2019 là 32.700.000 đồng và số tiền cầm còn nợ 4.800.000 đồng, tổng số tiền bà đồng ý trả cho ông Phạm Văn Q là 37.500.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Thân Sỹ H là người đại diện theo uỷ quyền của bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q. Đối với việc bà ghi còn nợ 156.000.000 đồng cả gốc và lãi là do ông Phạm Văn Q đến tận nhà, đe dọa, ép buộc nên bà mới sợ hãi phải viết vào giấy như vậy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B trình bày: Bà là mẹ vợ ông Thân Sỹ H, ngày 27-3-2019 bà có được nhận 60 bao cầm hộ ông Thân Sỹ H vì ông Thân Sỹ H đi làm không ở nhà. Bà cũng có được nhận cầm hộ ông Thân Sỹ H một vài lần, mỗi lần trước khi nhận hộ ông Thân Sỹ H đều gọi điện thoại để báo cho bà biết, sau khi nhận cầm bà đều được ký nhận vào sổ giao cầm của lái xe, không được thanh toán tiền. Do bà chỉ nhận hộ cầm, không biết việc thanh toán như nào nên bà từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Người làm chứng ông Hoàng Quốc H trình bày: Từ khoảng năm 2018 ông có được ông Phạm Văn Q thuê đi giao cầm trên địa bàn huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ông không biết việc thoả thuận giữa ông Phạm Văn Q và các hộ như nào, ông chỉ biết đem đủ số lượng cầm để giao. Ông thường xuyên được giao cầm cho nhà ông Thân Sỹ H, vợ chồng ông Thân Sỹ H ít khi ở nhà nên có 1 - 2 lần mẹ vợ ông Thân Sỹ H nhận cầm hộ ông Thân Sỹ H nhưng không ký nhận vào sổ của ông. Những lần giao cầm, nếu có hoá đơn thì ông Thân Sỹ H sẽ ký nhận, nếu không có ai ở nhà thì ông chỉ biết giao và không có ký nhận do ông Phạm Văn Q đã liên hệ trước qua điện thoại rồi. Ông giao cầm cho ông Thân Sỹ H sau đó ông Phạm Văn Q sẽ lên quyết toán và ghi vào sổ nợ của ông Phạm Văn Q. Các lần giao hàng ông đều đến tận nhà để giao nhưng ngày 28-02-2019 do có dịch tả lợn Châu Phi bùng phát nên ông không vào tận nhà giao cầm mà để ở công và thông báo cho ông Thân Sỹ H biết. Ông chỉ biết sự việc đã được giao cầm đến nhà ông Thân Sỹ H còn không rõ việc ông Thân Sỹ H đã thanh toán tiền cho ông Phạm Văn Q chưa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 26-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q đối với ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H.

Buộc ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn Q tổng số tiền 122.720.548 đồng, trong đó nợ gốc là 105.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả tính từ ngày 20-7-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26-3-2024 là 17.720.548 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26-3-2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 26-3-2024 của TAND huyện Hữu Lũng. Tại phiên tòa các bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn số tiền là 10.120.000 đồng, đề nghị đyợc trừ đi số tiền 200.000 đồng mà nguyên đơn còn nợ bị đơn; số tiền bị đơn trả cho nguyên đơn là 9.920.000 đồng và nhất trí trả lãi suất 10%/năm, tính lãi từ ngày 01-7-2019 cho đến nay. Bị đơn ông Thân Sỹ H tự nguyện chịu toàn bộ án phí phải chịu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo: Ngày 26-3-2024, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xét xử sơ thẩm vụ án, ngày 08-4-2024, bị đơn ông Thân

Sỹ H và bà Trần Lệ H có đơn kháng cáo. Việc kháng cáo trong thời hạn luật định, theo đúng quy định Điều 273, 274 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo là hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa các bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn với số tiền 10.120.000 đồng.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Từ cuối năm 2018, bị đơn nhiều lần mua cám với nguyên đơn, có lần thanh toán ngay, có lần chưa thanh toán do chưa bán được lợn và dịch tả lợn. Nguyên đơn cho rằng tổng số tiền bị đơn nợ đến ngày 27-4-2019 là 156.000.000 đồng, gồm 105.000.000 đồng tiền gốc và 51.000.000 đồng tiền lãi; tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu buộc ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20-7-2022 đến ngày 26-3-2024 là 17.691.754 đồng và ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong hết số tiền nợ. Bị đơn ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H không thừa nhận tổng số tiền nợ trên. Theo các tài liệu trang giấy ô ly của sổ cá nhân nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn, bị đơn thể hiện các bên thực hiện thanh toán theo nguyên tắc từng lần với số lượng hàng đã mua, lấy hàng lần sau trả lần trước. Trên cơ sở phương thức thanh toán được các bên thừa nhận có cơ sở xác định trước ngày 24-3-2019 các bên đã thanh quyết toán cho nhau, bên bán ông Phạm Văn Q còn nợ lại 200.000 đồng thể hiện tại giấy ghi ngày 24-3-2019, nguyên đơn cũng thừa nhận nợ bị đơn số tiền này. Không có căn cứ hai bên chốt nợ đối với số tiền 150.000.000 đồng. Các mã từ ngày 24-3-2019, ngày 09-4-2019, ngày 27-4-2019 với tổng số tiền 55.120.000 đồng ông Thân Sỹ H chưa thanh toán, đến ngày 02-10-2020 trả 25.000.000 đồng; ngày 20-7-2022 bà Trần Lệ H trả 20.000.000 đồng nên số tiền bị đơn nợ còn lại là 10.120.000 đồng, trừ đi số tiền 200.000 đồng ông Phạm Văn Q nợ tại giấy ghi ngày 24-3-2019, số tiền gốc còn nợ là 9.920.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn trả số tiền gốc 105.000.000 đồng là không có căn cứ, do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

Về yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 20-7-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, hai bên không có thỏa thuận về lãi nhưng bên mua ông Thân Sỹ H vi phạm nghĩa vụ, chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu lãi xuất theo quy định Điều 357, 434, 440, 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa bị đơn nhất trí tính lãi suất đối với số tiền gốc nêu trên chịu lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01-7-2019 đến nay (ngày xét xử phúc thẩm), do đó có căn cứ sửa bản án sơ thẩm về số tiền gốc, lãi. Ngoài ra bản án sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 01/NQ ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi suất để tính lãi là không phù hợp, bởi lẽ Nghị quyết số 01 nêu trên được áp dụng đối với hợp đồng vay tài sản nhưng bản án đã áp dụng các Điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự với mức lãi suất 10%/năm là đảm bảo đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của các bị đơn; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 26-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng.

Về án phí sơ thẩm: Xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của đương sự. Bị đơn ông Thân Sỹ H tự nguyện chịu án dân sự sơ thẩm cho bà Trần Lệ H nên ghi nhận sự tự nguyện của ông H.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H, việc kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ. Bị đơn kháng cáo đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy có việc bị đơn mua cám với nguyên đơn, hai bên giao có kết bằng lời nói, mỗi lần ông Thân Sỹ H mua cám, được ông Phạm Văn Q ghi vào sổ, lái xe là người chở cám giao tận nhà cho bị đơn, người nhận cám nhà ông Thân Sỹ H lúc do bà Hoàng Thị B (mẹ vợ ông H) nhận hoặc do ông Phạm Sỹ H nhận. Bị đơn đã thanh toán một số tiền và nợ lại một số tiền mua cám chưa thanh toán.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Phạm Văn Q khởi kiện yêu cầu ông bị đơn trả số tiền nợ mua cám từ năm 2018 đến năm 2019 với số tiền nợ gốc là 105.000.000đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20-7-2022 đến ngày 26-3-2024 là 17.720.548 đồng; ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Phạm Văn Q cung cấp cho Tòa án toàn bộ tài liệu, sổ sách mà ông Q đã ghi chép để theo dõi việc ông Thân Sỹ H mua cám là 06 trang giấy ô ly của sổ cá nhân thời gian từ ngày 31-8-2018 đến ngày 27-4-2019 và ghi quá trình thanh toán tiền, chốt nợ đến ngày 20-7-2022. Còn bị đơn ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H cho rằng chỉ còn nợ tiền cám của nguyên đơn 03 lần, tổng là 49.800.000 đồng, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 24/3/2019 nợ 17.800.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 09-4-2019 nợ 22.600.000 đồng, lần thứ ba vào ngày 27-4-2019 nợ 9.400.000 đồng, đã thanh toán cho ông Phạm Văn Q số tiền 45.000.000 đồng, các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc là 105.000.000 đồng và tính tiền lãi đối với số tiền gốc còn nợ với mức lãi suất 10%/năm.

[4] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn Q giao nộp các trang giấy ô ly có 3 chữ ký xác nhận của ông Thân Sỹ H. Nội dung công nợ tại các trang giấy ô ly từ ngày 31-8-2018 đến ngày 27-4-2019 của ông Phạm

Văn Q cung cấp gồm 06 trang, trong 2 năm (trong đó 05 trang ghi 2 mặt). Tại phiên tòa đã làm rõ 3 chữ ký của bị đơn như sau: Chữ ký thứ nhất ông Thân Sỹ H chốt nợ với nguyên đơn vào ngày 18-01-2019; chữ ký thứ hai ông ký xác nhận mã hàng vào ngày 27-4-2019 với số tiền 14.720.000 đồng; chữ ký thứ 3 ông ký vào ngày 02-10-2020 khi thanh toán cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng. Về các trang giấy ô ly được thể hiện rất rõ ràng về thời gian, số tiền các lần giao dịch mua cám, số lượng cám, số tiền đã trả mỗi lần và số tiền còn nợ lại. Tại phiên tòa, ông Phạm Văn Q thừa nhận chỉ có duy nhất 01 quyển sổ do nguyên đơn ông Phạm Văn Q ghi chép, các trang giấy ô ly được lấy từ trang sổ cá nhân của ông ra để nộp cho Tòa án, ngoài ra không còn tài liệu nào khác.

[5] Tại phiên tòa theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thể hiện: Các bên thực hiện cách thức thanh toán theo nguyên tắc từng lần với số lượng hàng đã mua, lấy hàng lần sau trả lần trước, mỗi lần bị đơn trả tiền, nguyên đơn cộng dồn lũy kế nợ cũ, số tiền đã trả mỗi lần và số tiền còn nợ lại. Ghi tuần tự, ghi hết trang này sẽ ghi tiếp trang khác.

[6] Nội dung tại các trang giấy ô ly ghi chép số lượng cám, tương ứng giá trị số tiền thời gian từ ngày 31-8-2018 đến ngày 27-4-2019. Tại trang giấy ngày 18/01/2019, mặt trước trang giấy ghi tổng số tiền còn nợ là 60.180.000 đồng, có chữ ký ông Thân Sỹ H; mặt sau ghi ngày 28-02-2019 số tiền hàng là 32.700.000 đồng nhưng không có chữ ký ông Thân Sỹ H xác nhận.

[7] Tiếp theo trang giấy ghi ngày 24-3-2019, mặt trước ghi “*nợ H 200.000*”, tiếp theo là các dòng ghi ngày 24-3-2019 số tiền hàng là 17.800.000 đồng; ngày 09-4-2019 số tiền 22.600.000 đồng; mặt sau ghi ngày 27-4-2019 số tiền hàng là 14.720.000 đồng và dòng chữ “*ngày 27/4/2019 tổng số tiền cám H nợ là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng)*”, có chữ ký của ông Thân Sỹ H.

[8] Trên cơ sở phương thức, cách thức thanh toán được các bên thừa nhận tại phiên tòa, xác định trước ngày 24-3-2019 các bên đã thanh quyết toán cho nhau xong, bên bán ông Phạm Văn Q còn nợ lại bị đơn 200.000 đồng thể hiện tại phía trên trang giấy ghi ngày 24-3-2019, do chính nguyên đơn tự ghi và thừa nhận còn nợ bị đơn số tiền này. Ông Phạm Văn Q cho rằng số tiền 200.000 đồng trên, do có mã bị đơn trả thừa nên ghi để nhớ nhưng ông Phạm Văn Q cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh mã hàng nào. Do đó, có cơ sở cho thấy bị đơn đã thanh toán, trả hết các khoản nợ cho nguyên đơn trước ngày 24-3-2019 trở về trước.

[9] Đối với trang giấy ghi ngày 27-4-2019 dòng chữ “*tiền cám H nợ 150.000.000 đồng*”, ông Phạm Văn Q thừa nhận do ông viết chèn vào, không phải viết khi hai bên chốt nợ ngày 27-4-2019. Bị đơn ông Thân Sỹ H chỉ thừa nhận ông ký xác nhận mã hàng ngày 27-4-2019 với số tiền 14.720.000 đồng, do đó không có cơ sở để cho rằng hai bên chốt nợ đối với số tiền 150.000.000 đồng.

[10] Như vậy, các mã bị đơn mua cám vào các ngày 24-3-2019; ngày 09-4-2019; ngày 27-4-2019 với tổng số tiền là 55.120.000 đồng, bị đơn chưa thanh toán. Đến ngày 02-10-2020 bị đơn ông Thân Sỹ H trả 25.000.000 đồng, ngày

19-7-2022 bà Trần Lệ H trả 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản (BL45), số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 10.120.000 đồng, trừ đi số tiền 200.000 đồng ông Phạm Văn Q nợ tại giấy ghi ngày 24-3-2019, do đó xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 9.920.000 đồng, là có cơ sở. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Q buộc các bị đơn trả số tiền gốc 105.000.000 đồng và lãi là không có căn cứ, do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

[11] Đối với giấy ngày 20-7-2022 ghi “*còn nợ 156.000.000 đồng (cả gốc + lãi)*” có chữ ký bà Trần Lệ H, như đã phân tích nêu trên không có căn cứ việc chốt nợ; bởi ngày 19-7-2022 bà Trần Lệ H thanh toán cho ông Phạm Văn Q số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, không thể ngày 20-7-2022 chốt “*còn nợ 156.000.000 đồng (cả gốc + lãi)*” là không phù hợp. Quá trình giao dịch mua bán cám, thanh toán tiền diễn ra trước năm 2022, đều do ông Thân Sỹ H là người mua cám và trực tiếp giao dịch với ông Phạm Văn Q, bà Trần Lệ H không tham gia giao dịch mua và nhận cám. Việc ông Phạm Văn Q yêu cầu bà Trần Lệ H ký xác nhận còn nợ 156.000.000 đồng cả gốc và lãi vào trong giấy ghi nợ trong sổ của ông Phạm Văn Q là không thể hiện đúng diễn biến việc mua bán, số lượng hàng, tiền thanh toán theo giấy ghi nợ do nguyên đơn cung cấp, do đó không có cơ sở để cho rằng bà Trần Lệ H chốt nợ với nguyên đơn số tiền này.

[12] Về yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 20-7-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, hai bên không có thỏa thuận về lãi nhưng bên mua ông Thân Sỹ H đến nay chưa thực hiện thanh toán số nợ gốc cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền gốc còn nợ chậm trả với mức lãi suất 10%/năm và bị đơn nhất trí mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền gốc còn nợ, tính lãi kể từ ngày 01-7-2019 đến nay (ngày xét xử phúc thẩm) là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Xác định từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 01-7-2019 đến ngày xét xử phúc thẩm 09-7-2024 là 1.834 ngày x 9.920.000đ x 10%/năm : 365 ngày = 4.984.460 đồng. Từ những phân tích trên thấy rằng có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, là có căn cứ sửa Bản án sơ thẩm về số tiền gốc, lãi. Tuy nhiên bản án sơ thẩm có thiếu sót, vi phạm sau: Tính số tiền còn nợ gốc, nợ lãi chưa chính xác và áp dụng Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm là không đúng, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; ông Thân Sỹ H tự nguyện chịu toàn bộ án

phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (14.904.460 đồng x 5%) là 745.200 đồng (sau khi đã làm tròn số) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn ông Phạm Văn Q phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận có giá ngạch (107.816.088 đồng x 5%) là 5.390.800 đồng (sau khi đã làm tròn số) để nộp ngân sách Nhà nước. Ông Phạm Văn Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.268.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0004644 ngày 11-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ ông Phạm Văn Q còn phải nộp tiếp số tiền là 1.122.800 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các bên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Thân Sỹ H số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0004706 ngày 12-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại cho bà Trần Lệ H số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0004707 ngày 12-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 117, Điều 119 và Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Thân Sỹ H, bà Trần Lệ H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 26-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q đối với ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H.

Buộc ông Thân Sỹ H và bà Trần Lệ H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn Q tổng số tiền là 14.904.460 đồng, trong đó nợ gốc là 9.920.000 đồng và nợ lãi chậm trả tính từ ngày 01-7-2019 đến ngày xét xử phúc thẩm ngày 09-07-2024 là số tiền 4.984.460 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 09-7-2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Thân Sỹ H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 745.200 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn ông Phạm Văn Q chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.390.800 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Ông Phạm Văn Q đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 4.268.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0004644 ngày 11-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ ông Phạm Văn Q còn phải nộp tiếp số tiền là 1.122.800 đồng.

2.2. Về án phí phúc thẩm: Các bên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trả lại cho ông Thân Sỹ H số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0004706 ngày 12-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại cho bà Trần Lệ H số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0004707 ngày 12-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Nguyệt

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đức Chiến

Nguyễn Thị Hoa

Lương Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Nguyệt